

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2021/HS-ST**

Ngày: 05 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Giang** và bà **Đinh Thanh Hoàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Huệ**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Mai Văn Toàn**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2021/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/HSST-QĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa, số 24/HPT ngày 22 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa, số 10/HPT ngày 21 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Thị P** (tên gọi khác: không), sinh ngày 10 tháng 02 năm 1976, tại: K, Hà Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 4, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: khu 1, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M, sinh năm: 1948 và bà Trương Thị G, sinh năm: 1950; có chồng là Mai Xuân H, sinh năm: 1975 và 04 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 29/01/2021, tạm giữ, tạm giam đến ngày 25/02/2021 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967; Nơi thường trú: Khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

2. Chị Tạ Thị Ch, sinh năm: 1971; Nơi thường trú: Khu 4, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

3. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm: 1954; Nơi thường trú: Khu 6, phường H,

thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

4. Bà Ngô Thị Ch, sinh năm: 1948; Nơi thường trú: thôn 13, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

5. Chị Vũ Thị H sinh năm: 1981; Nơi thường trú: khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

6. Anh Bùi Văn Qu, sinh năm: 1980 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981; Nơi thường trú: thị trấn Qu, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Chị H ủy quyền cho anh Qu tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 131/2021 quyền số 1/2021 (8)-SCT/HĐ,GD ngày 15/7/2021. Anh Qu có mặt tại phiên tòa.

7. Anh Mai Xuân H, sinh năm: 1975; Nơi thường trú: Khu 4, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

8. Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1962; Nơi thường trú: Thôn 6, xã Qu, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

9. Ông Đồng Đức D, sinh năm: 1946 và bà Trần Thị Th, sinh năm: 1946; Nơi thường trú: Thôn 2, xã Qu, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có lý do.

10. Bà Trần Thị X, sinh năm: 1962 và ông Nguyễn Đức L; Nơi thường trú: Khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

11. Chị Nguyễn Thị Ái Kh, sinh năm: 1986; Nơi thường trú: Tổ 10, phường Qu, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở: Khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có lý do.

12. Ông Vũ Văn Kh, sinh năm: 1963; Nơi thường trú: Khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

13. Anh Triệu Sỹ B, sinh năm: 1996; Nơi thường trú: Khu 6, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

14. Anh Đặng Văn Th, sinh năm: 1980; Nơi thường trú: Thôn 8, xã Quảng Minh, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

15. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983; Nơi thường trú: Khu H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

16. Bà Cao Thị H, sinh năm: 1952; Nơi thường trú: Số nhà 05, phố L, khu 1, phường Tr, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có lý do.

* *Người làm chứng*: Phạm Văn D

* *Người chứng kiến*: Phùng Viên Th; Trương Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 7/2016, nhận thấy việc cho vay tiền với lãi suất cao dễ kiếm lời nên Dương Thị P bắt đầu cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. P tự quy định với người vay về hình thức cho vay tiền là “vay lãi năm” rồi tính mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (3.000đ/ 1.000.000đ/ngày)

trở lên trong thời hạn vay 01 tháng (30 ngày) thì người vay phải trả cả gốc và lãi cho P. Hết thời hạn trên nếu người vay không trả được gốc thì phải trả tiền lãi để gia hạn thời hạn vay thêm 01 tháng nữa cho đến khi trả hết khoản tiền gốc. Tùy từng trường hợp, khi cho vay thì người vay tiền phải viết giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đồng thời P yêu cầu người vay phải đặt lại các giấy tờ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân... để làm tin. Khi có khách vay tiền, P thỏa thuận với người vay về số tiền cho vay, mức lãi suất, thời hạn vay rồi P đứng ra ký giấy, hợp đồng vay tiền với các khách hàng hoặc yêu cầu anh Mai Xuân H (là chồng của Ph) ký đứng tên người cho vay. Khi đến hạn trả tiền, nếu người vay không đến trả tiền thì P bảo H cùng P đi tìm người vay tiền thu tiền nợ.

Trong thời gian từ tháng 7/2016 đến ngày 28/01/2021, Dương Thị P đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao như trên nhằm thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

1. Từ tháng 7/2016 đến tháng 7/2017, cho chị Nguyễn Thị H vay 08 (tám) lần với tổng số tiền là 960.000.000đ bằng hình thức “vay lãi nằm” mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày (109,5%/năm), đã thu tổng số tiền lãi 198.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính 161.836.000đ.

2. Từ ngày 09/7/2016 đến ngày 28/8/2016, cho chị Tạ Thị Ch vay 06 (sáu) lần với tổng số tiền là 540.000.000đ bằng hình thức “vay lãi nằm” mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày (109,5%/năm), đã thu tổng số tiền lãi 318.600.000đ trong đó số tiền thu lợi bất chính 260.408.000đ.

3. Tháng 5/2020, cho bà Phạm Thị Ng vay số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức “vay lãi nằm” mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày (109,5%/năm), đã thu tổng số tiền lãi 18.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính 14.712.000đ.

4. Ngày 08/01/2020, cho bà Ngô Thị Ch vay số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức “vay lãi nằm” mức lãi suất 6.700 đồng/1.000.000 đồng/ngày (243,3%/năm), đã thu tổng số tiền lãi 2.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính 1.836.000 đồng.

5. Tháng 3/2020 và ngày 14/8/2020, cho chị Vũ Thị H vay 02 lần với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng bằng hình thức “vay lãi nằm” mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (109,5%/năm), đã thu tổng số tiền lãi 315.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính 257.466.000 đồng.

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 28/01/2021, tại số nhà 133, đường H, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Đội Cảnh sát Hình sự phối hợp với Công an phường Ka Long, thành phố Móng Cái tiến hành kiểm tra hành chính đối với Dương Thị P. Quá trình kiểm tra phát hiện Dương Thị P đang thu tiền lãi của 03 phụ nữ là Tạ Thị Ch, Nguyễn Thị H, Phạm Thị Ng. Tạm giữ của Ph: số tiền 5.000.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno 2F màu xanh tím; Tạm giữ của Chấn: 01 (một) tờ giấy khổ A4 có ghi chữ và số tự nhiên; Tạm giữ của Hà: số tiền 5.000.000 đồng; Tạm giữ của Ngưng: 6.000.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Dương Thị P tại số nhà 133, đường H, phường K, thành phố M; số nhà 626 đường Trần Quốc Tảng thuộc khu 6,

phường H, thành phố M và khách sạn Hải Hà ở thôn 6, xã Quảng Ch, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, tạm giữ: 01 (một) quyển sổ kích thước (23,3 x 15,5)cm bên trong có ghi chữ và số tự nhiên; 01 (một) tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Nguyễn Thị H vay số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 05/12/2018; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS073454 mang tên Bùi Văn Qu và Nguyễn Thị H; 01 (một) tờ giấy bên trong có chứa nội dung Mai Xuân H cho Tạ Thị Ch vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 11/11/2016; 04 (bốn) hợp đồng vay tiền giữa Dương Thị P và Tạ Thị Ch; 01 (một) tờ giấy bên trong chứa nội dung chuyển nhượng đất khai hoang giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P ngày 02/8/2016; 01 (một) tờ giấy bên trong chứa nội dung chuyển nhượng đất ruộng giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P ngày 20/11/2016; 01 (một) tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Ngô Thị Ch vay số tiền 12.000.000 đồng vào ngày 08/01/2020; 01 (một) tờ giấy cam kết bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Vũ Thị H vay số tiền 2.000.000.000 đồng; 01 (một) tờ giấy vay nợ bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Vũ Thị H vay số tiền 500.000.000 đồng; 01 (một) tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Bùi Thị H vay số tiền 800.000.000 đồng ngày 29/11/2019; 01 (một) tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Phạm Thị Minh vay số tiền 400.000.000 đồng; 01 (một) sổ hộ khẩu số 00009647 mang tên chủ hộ Lê Văn Khắc; 01 (một) căn cước công dân số 034068006592 mang tên Lê Văn Khắc; 01 (một) sổ hộ khẩu số 00009646 mang tên chủ hộ Phạm Văn Minh và một số giấy tờ liên quan khác.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Móng Cái đã tiến hành thu giữ các dữ liệu điện tử liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong chiếc điện thoại OPPO Reno 2F màu xanh tím thu giữ của Dương Thị P.

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Dương Thị P.

Công văn số 152/QUN3 ngày 24/02/2021, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn công thức tính lãi suất và cách tính số tiền thu lời bất chính.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị P khai nhận: bản thân P không thuộc tổ chức tín dụng nào cũng không kinh doanh dịch vụ cầm đồ đồng thời P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, còn khai toàn bộ số tiền thu lời bất chính của những khách hàng bị cáo đã chi tiêu sử dụng vào việc sinh hoạt hàng ngày và để sử dụng cho khách vay quay vòng. Số tiền gốc P dùng để cho vay ban đầu khoảng 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, P có nội dung khai liên quan đến việc cho bà Bùi Thị H vay tiền nhiều lần, nhưng tính mức lãi suất từ 1000đ đến 2000đ/ 1.000.000đ/ngày tương ứng với mức lãi suất từ 36%/năm đến 72%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay thì giữa P và bà H thỏa thuận làm hợp đồng mua bán 02 lô đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ775327 và CĐ776959 ở Cái Chiên, Hải Hà, Quảng Ninh; đồng thời bà H đã sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gắn với tài sản trên đất là Khách sạn Quảng Hà) từ tên Vũ Thị Hồng sang tên Dương Thị P. Ngoài ra, bà H đưa P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL392810 (là bãi

đỗ xe khách sạn Quảng Hà) để làm tin. Sau khi chốt số tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 24/12/2019, P và bà H thỏa thuận trong thời hạn 03 tháng thì bà H phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi nếu không thì các tài sản trên sẽ thuộc về Ph. P khai, thực tế số tài sản trên là của bà H nhưng bà H đã làm các thủ tục chuyển nhượng cho P để lấy tiền trả ngân hàng, P và bà H thỏa thuận khi nào bà H có tiền trả cho P hoặc muốn bán để trả tiền gốc tiền lãi cho P thì P sẽ chuyển nhượng lại cho bà H số tài sản này. P đồng ý sẽ trả lại 02 lô đất ở đảo Cái Chiên, Hải Hà, Quảng Ninh cho bà H, làm thủ tục sang tên chuyển nhượng lại cho bà H và trả lại cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL392810.

Tại phiên tòa, P và bà H có trình bày về vấn đề liên quan nhưng xác định đây là giao dịch dân sự giữa các bên.

Ngày 22/4/2021, P đã tự nguyện nộp số tiền 120.000.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái để khắc phục hậu quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Thị H, chị Tạ Thị Ch, bà Phạm Thị Ng, bà Ngô Thị Ch, chị Vũ Thị H có lời khai phù hợp lời khai của bị cáo Ph, phù hợp vụ án về số lần vay tiền, số tiền vay, mức lãi suất cho vay, số tiền gốc đã trả và nội dung liên quan trong quá trình giải quyết vụ án. Tại đơn đề xét xử vắng mặt của chị H, chị Ch, chị H và bà Ng đều yêu cầu bị cáo P phải trả lại số tiền lãi mà họ đã trả cho P tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Bà Ch không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi mà bà đã trả cho P tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm.

+ Đối với bà Bùi Thị H, quá trình điều tra và tại phiên tòa có lời khai thể hiện: Bà đã nhiều lần vay tiền của Ph, với mức từ 1.000đ/1.000.000đ/1ngày đến 3.000đ/1.000.000đ/1ngày tương ứng lãi suất 36%/năm đến 109,5%/năm. Tuy nhiên, quá trình điều tra bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc bà đã trả lãi cho P đối với món vay có mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1ngày tương ứng lãi suất 109,5%/năm. Tại biên bản đối chất ngày 22/3/2021 giữa bà H và P, không xác định được mức lãi suất này nên không có cơ sở để buộc P phải chịu trách nhiệm hình sự với món vay này. Tại phiên tòa, bà H khai bà đã 01 lần trả tiền lãi cho P với số tiền là 53.000.000đ cho món vay 1.750.000.000đ, đối với món vay 800.000.000đ với mức lãi suất 109,5% của P, bà chưa trả lãi nhưng P đã cộng dồn với các khoản vay khác. Tuy nhiên, bà cũng chưa trả cả gốc và lãi với các khoản vay đó.

+ Bà Cao Thị H có lời khai trong quá trình điều tra phù hợp nhau thể hiện: Tháng 11/2019, P vay của bà số tiền 6.000.000.000đ để sử dụng hợp pháp, tiền lãi là 70.000.000đ/01 tháng tương ứng lãi suất là 14,2%/năm. Đến nay P đã trả cho bà số tiền nợ gốc 900.000.000đ, hiện P nợ bà số tiền gốc là 5.100.000.000đ. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà có quan điểm xác định giao dịch giữa bà và P là giao dịch dân sự nên không đề nghị giải quyết trong vụ án này nhưng P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà trong thời gian gần nhất sau khi xét xử; đồng thời do số tiền trên là tài sản hợp pháp của bà nên bà đề nghị Tòa án xem xét không truy thu số tiền gốc của P để P thu xếp hoàn trả số tiền đã vay cho bà.

+ Anh Mai Xuân H có lời khai thể hiện: Anh là chồng của Dương Thị P.

Năm 2016, P có bảo anh đưa cho P số tiền 200.000.000đ để cho chị Ch vay, tuy nhiên, anh chỉ biết đưa tiền cho P, còn bản thân anh không biết thỏa thuận như thế nào. Chị Ch đã trả lại cho anh số tiền này. Những tài liệu thu giữ tại nơi ở đều là của P, anh không tham gia, không hưởng lợi từ số tiền thu lời bất chính trong việc P cho vay lãi nặng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh không có đề nghị gì.

+ Ông Đồng Đức D có lời khai thể hiện: Do có quan hệ quen biết với gia đình chị Nguyễn Thị H nên cuối năm 2016, chị H có hỏi mượn của ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh nhân dân cấp cho Đồng Đức D trên để làm thủ tục vay tiền ngân hàng, chị H hứa hẹn trong vòng 01 năm sẽ trả lại nhưng sau đó ông đã nhiều lần đòi thì chị H đều lấy lý do bận việc không trả. Nay ông được biết chị H đã cầm cố cho Dương Thị P để vay tiền. Ông không biết H vay bao nhiêu tiền với lãi suất bao nhiêu nhưng ông không vay tiền của P nên ông D đề nghị trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh nhân dân cấp cho Đồng Đức D. Tại đơn xét xử vắng mặt, ông D và bà Th đề nghị được nhận lại giấy tờ nêu trên.

+ Bà Trần Thị X và chị Nguyễn Thị Ái Kh có nội dung khai: Bà X có nhờ con gái là Nguyễn Thị Ái Kh quản lý giúp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE550389 nhưng không biết chị Kh sử dụng vào việc gì. Đầu năm 2017, do cần tiền để làm ăn nên chị Kh đã đưa cho Nguyễn Thị H giấy tờ trên để vay giúp số tiền 30.000.000đ nhưng sau đó chị Kh không còn nhu cầu vay tiền nên chị H đã mượn giấy chứng nhận đất trên để cầm cố cho Dương Thị P để vay tiền. Bà X và chị Kh khẳng định không vay tiền của P và đề nghị trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE550389 nêu trên.

+ Ông Vũ Văn Kh có lời khai: ông là chồng của Nguyễn Thị H nên đã để cho H quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó H đã cầm cố cho Dương Thị P để vay tiền. Bản thân ông không vay tiền của P cũng không biết số tiền, lãi suất mà H vay của P cũng như đã trả cho P bao nhiêu tiền lãi. Ông đề nghị được trả lại giấy tờ nêu trên.

+ Anh Bùi Văn Qu (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H) có lời khai thể hiện: Tháng 01/2020, do cần tiền làm ăn kinh doanh nên anh đã gặp P vay số tiền 500.000.000đ do có mối quan hệ quen biết nên P không thu tiền lãi. Khi vay không yêu cầu viết giấy vay tiền nhưng để P tin tưởng nên anh đã đưa cho P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS073454 cấp cho Bùi Văn Qu và Nguyễn Thị H. Anh đề nghị được trả lại giấy chứng nhận nêu trên.

+ Anh Triệu Sỹ B có lời khai thể hiện: Tháng 12/2020, anh thuê phòng tại khách sạn H do Dương Thị P quản lý để ở lâu dài, do không có tiền thanh toán tiền phòng nên anh đã đưa cho P số hộ khẩu số 009613 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020912 cấp cho Triệu Sỹ B để làm tin. Anh khẳng định không vay tiền của P và đề nghị trả lại giấy tờ trên.

+ Anh Đặng Văn Th có lời khai thể hiện: Tháng 01/2021, anh Thiệu bán cho Dương Thị P 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát: 14C-194.29. Sau đó, Th đã đưa cho P số giấy tờ là sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân để làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Anh khẳng định không vay tiền của P và đề nghị

trả lại giấy tờ.

+ Chị Nguyễn Thị L có lời khai thể hiện: Ngày 31/12/2020, do cần tiền để làm ăn nên chị đã gặp P để vay số tiền 1.300.000.000đ, mức lãi suất 27.500.000đ/tháng nhưng chị L chưa kịp trả tiền lãi cho P thì P bị bắt nên không đề cập xử lý.

Người làm chứng: Anh Phạm Văn D có lời khai thể hiện: Tháng 9/2019, P vay của anh số tiền 600.000.000đ, anh tính lãi là 1.000đ/1.000.000đ/ 1ngày nhưng khoảng 03 ngày sau thì P đã trả đủ số tiền gốc. Do mối quan hệ quen biết nên anh không lấy tiền lãi ở khoản vay này. Anh không biết cụ thể P vay làm gì. Ngoài khoản vay trên thì anh không cho P vay khoản tiền nào khác.

Người chứng kiến: Anh Phùng Viên Th và bà Trương Thị G đều thừa nhận chứng kiến lực lượng công an kiểm tra hành chính đối với Dương Thị P, Tạ Thị Ch, Nguyễn Thị H, Phạm Thị Ng; thu giữ của P số tiền 5.000.000đ, thu giữ của H số tiền 5.000.000đ, thu giữ của Ng số tiền 6.000.000đ và thu giữ của Ch 01 (một) tờ giấy có chữ viết.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị P giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, khẳng định lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là khách quan, đúng sự thật.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKSMC, ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố Dương Thị P về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, xác định số tiền Dương Thị P thu lợi bất chính là 696.256.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo; sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: bị cáo Dương Thị P từ 21 tháng đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 60 tháng đến 72 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Dương Thị P cho Ủy ban nhân dân phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**) Áp dụng: điểm a, b khoản 1 điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

- *Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động OPPO Reno2F và số tiền 120.000.000đ Dương Thị P đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái.*

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền lãi có được từ việc cho vay 37.178.000đ;

- Buộc bị cáo trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính: Nguyễn Thị H 161.836.000đ; Tạ Thị Ch 260.408.000đ; Nguyễn Thị Hằng 257.466.000đ. Buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước: đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H 151.000.000đ; đối với Phạm Thị Ng 50.000.000đ.

- Trả lại: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BV928893 mang tên Đồng Đức D và Trần Thị Th; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 100786870 mang tên Đồng Đức D; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U306968 mang tên Vũ Văn Kh; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS073454 mang tên Bùi Văn Qu và Nguyễn Thị H; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE550389 mang tên Nguyễn Đức L và Trần Thị X; 01 sổ hộ khẩu số 0009613 mang tên chủ hộ Triệu Sỹ B; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020912 mang tên Triệu Sỹ B; 01 sổ hộ khẩu số 05810 mang tên chủ hộ Đặng Văn Th; 01 giấy chứng minh nhân dân số 100741717 mang tên Đặng Văn Th; 01 sổ hộ khẩu số 500077257 mang tên chủ hộ Mai Xuân H cho các chủ sở hữu.

+ Trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H 5.000.000đ; Phạm Thị Ng 6.000.000đ;

+ 01 căn cước công dân số 035176001848 mang tên Dương Thị P và số tiền 5.000.000đ trả cho bị cáo Dương Thị P.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 120.000.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Dương Thị P.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận hành vi phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bùi Văn Qu và Đặng Văn Th không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bùi Thị H tranh luận yêu cầu xử lý đối với bị cáo Dương Thị P về việc đã có hành vi “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đối với khoản tiền vay 800.000.000đ mà bị cáo P đã cho chị Hoàn vay.

Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát đối đáp: căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản đối chất và diễn biến tại phiên tòa chưa đủ căn cứ xác định việc tính lãi suất trong khoản vay 800.000.000đ giữa Dương Thị P và chị Bùi Thị H là hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi đã thực hiện, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Móng Cái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tiếp tục không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì “Lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm...”. Như vậy mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm.

Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay lãi với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Đối chiếu Công văn số 152/QUN3 ngày 24/02/2021, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh và quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN, ngày 29/9/2017: “Quy định P thức tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng”. Đây cũng là căn cứ để cơ quan điều tra tính lãi suất. Công thức tính lãi như sau:

Số tiền lãi đã thu x 365

Lãi suất tính lãi (%/1 năm)= ----- x 100%

Số dư thực tế (gốc) x số ngày vay thực tế

Như vậy, lãi suất theo năm áp dụng theo công thức tính trên đối với các trường hợp Dương Thị P cho vay đều vượt quá 100%/ 1 năm (gấp 05 lần lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật Dân sự).

Số tiền thu lợi bất chính (STTLBC) được tính như sau:

STTLBC = Số tiền lãi đã nhận - $\frac{\text{Số nợ gốc} \times 20\% \times \text{số ngày vay}}{365}$

Đánh giá nội dung biên bản kiểm tra hành chính, biên bản nhận dạng, bản ảnh vật chứng; Lời khai nhận tội của bị cáo Dương Thị P tại phiên tòa phù hợp

với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2016 đến ngày 28/01/2021, trên địa bàn thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Dương Thị P đã có hành vi tạo lập các giao dịch dân sự cho Tạ Thị Ch, Nguyễn Thị H, Phạm Thị Ng, Ngô Thị Ch và Vũ Thị H vay tiền nhiều lần với lãi suất từ 109,5% đến 243,3%/năm, thu lợi bất chính số tiền 696.256.000đ (sáu trăm chín mươi sáu triệu hai trăm năm sáu nghìn đồng).

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, nhưng vì lợi nhuận thu được lớn nên bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, thực hiện việc cho vay lãi nặng (với lãi suất từ 109,5% đến 243,3%/năm), thu lợi bất chính số tiền 696.256.000đ (sáu trăm chín mươi sáu triệu hai trăm năm sáu nghìn đồng) nên đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái là có căn cứ pháp lý.

[3]. Đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng, trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Do không chịu khó lao động, dựa vào hoàn cảnh khó khăn của những người vay tiền để trục lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng mức hình phạt tương xứng mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Thị P thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là cháu phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bản thân được Huyện ủy Hải Hà gửi Thư cảm ơn tham gia đóng góp trong công tác phòng, chống Covid-19 trên địa bàn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về quyết định hình phạt chính: Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý nghiêm bị cáo. Nhưng xét bị cáo mặc dù có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng số tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, trong thời gian sinh sống tại địa P chấp hành tốt chính sách pháp luật, tham gia thực hiện công tác từ thiện xã hội tại nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo, giáo dục tại địa P để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo thành người lương thiện, công dân có ích cho xã hội.

[8]. Về trách nhiệm dân sự, vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 16.000.000đ đã thu giữ ngày 29/01/2021, trong đó thu giữ của Dương Thị P số tiền 5.000.000đ, thu giữ của chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đ, thu giữ của Phạm Thị Ng số tiền 6.000.000đ là tiền của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đối với 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno 2F màu xanh tím thu giữ của Dương Thị P là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV928893 cấp cho ông Đồng Đức D và bà Trần Thị Th; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 100786870 cấp cho ông Đồng Đức D; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U306968 cấp cho ông Vũ Văn Kh; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS073454 cấp cho ông Bùi Văn Qu và bà Nguyễn Thị H; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV928893 cấp cho ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị X; 01 sổ hộ khẩu số 0009613 cấp cho chủ hộ Triệu Sỹ B; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020912 cấp cho Triệu Sỹ B do Công an thành phố Móng Cái cấp ngày 24/7/2019; 01 (một) sổ hộ khẩu số 05810 cấp cho chủ hộ Đặng Văn Th; 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 100741717 cấp cho ông Đặng Văn Th; 01 (một) sổ hộ khẩu số 500077257 cấp cho chủ hộ Mai Xuân H; 01 (một) căn cước công dân số 035176001848 cấp cho Dương Thị P đều là giấy tờ cá nhân hợp pháp của những người có tên nêu trên loại giấy tờ đó, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội, họ đều có đề nghị được nhận lại nên cần thiết trả lại cho họ theo quy định của pháp luật.

- Đối với các loại tài liệu khác (là bản chính, trừ một số tài liệu là bản phô tô có ghi chú kèm theo) liên quan đến vụ án xét cần thiết lưu theo hồ sơ vụ án, cụ thể: 01 (một) quyển sổ kích thước (23,3x15,5)cm bên trong có ghi chữ và số tự nhiên; 01 tờ giấy khổ A4 có ghi chữ và số tự nhiên (bản phô tô); 01 tờ giấy bên trong có nội dung nhận nợ số tiền 250.000.000đ giữa Dương Thị P và Nguyễn Thị H; 01 tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Nguyễn Thị H vay số tiền 250.000.000đ ngày 05/12/2018; 01 tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Nguyễn Thị H vay số tiền 250.000.000đ; 01 tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Bùi Thị H vay số tiền 2.000.000.000đ

ngày 01/11/2019; 01 tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Bùi Thị H vay số tiền 800.000.000đ ngày 29/11/2019; 01 giấy biên nhận vay tiền với số tiền là 500.000.000đ giữa Dương Thị P và Phạm Văn D ngày 14/9/2019; 01 tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Ngô Thị Ch vay số tiền 12.000.000đ ngày 08/01/2020; 01 tờ giấy bên trong có chứa nội dung Mai Xuân H cho Tạ Thị Ch vay số tiền 200.000.000đ ngày 11/11/2016 (âm lịch); 01 (một) hợp đồng vay tiền bên trong có chứa nội dung Tạ Thị Ch nợ P số tiền 506.000.000đ; 01 hợp đồng vay tiền giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P với số tiền vay là 70.000.000đ vào ngày 30/7/2016; 01 hợp đồng vay tiền giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P với số tiền vay là 700.000.000đ vào ngày 21/10/2016 (bản phô tô); 01 hợp đồng vay tiền giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P với số tiền vay là 400.000.000đ vào ngày 04/8/2016; 01 hợp đồng vay tiền giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P với số tiền vay là 39.000.000đ; 01 tờ giấy bên trong chứa nội dung chuyển nhượng đất khai hoang giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P ngày 02/8/2016; 01 tờ giấy bên trong chứa nội dung chuyển nhượng đất ruộng giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P ngày 20/11/2016; 01 tờ giấy bên trong chứa nội dung chuyển nhượng đất ruộng giữa Tạ Thị Ch và Dương Thị P; 01 tờ giấy cam kết bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Vũ Thị H vay số tiền 500.000.000đ; 01 văn bản thỏa thuận số 01 ngày 02/11/2019 giữa Bùi Thị H và Dương Thị P; 01 tờ giấy bên trong có chứa nội dung thể hiện việc bán nhà giữa Bùi Thị H và Dương Thị P (bản phô tô); 01 hợp đồng đặt cọc giữa Dương Thị P và Nguyễn Thị L vào ngày 31/12/2020 (bản phô tô);

+ Đối với số tiền gốc ban đầu Dương Thị P dùng vào việc phạm tội là tiền của bị cáo vay của bà Cao Thị H, bà H có đơn đề nghị Tòa án không truy thu số tiền này, Hội đồng xét xử đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS không truy thu sung ngân sách số tiền này để bị cáo có khả năng trả lại số tiền đã vay là tài sản hợp pháp của bà Cao Thị H.

+ Đối với số tiền lãi với lãi suất 20%/1 năm của các khoản vay tương ứng với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự xác định đây là khoản tiền do Dương Thị P phạm tội mà có, cần thiết phải truy thu sung ngân sách nhà nước, số tiền là: 155.342.000đ.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, Tạ Thị Ch, Phạm Thị Ng, Vũ Thị H đã trả cho bị cáo nay đề nghị Tòa án buộc bị cáo P phải hoàn trả là có căn cứ, cần chấp nhận, cụ thể: trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 161.836.000đ (một trăm sáu mươi một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng); cho chị Tạ Thị Ch số tiền 260.408.000đ (hai trăm sáu mươi triệu, bốn trăm linh tám nghìn đồng); cho bà Phạm Thị Ng số tiền 14.712.000đ (mười bốn triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng); trả lại cho chị Vũ Thị H số tiền 257.466.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Trường hợp bà Ngô Thị Ch không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là 1.836.000đ, xét đây là sự tự nguyện của họ, đối chiếu quy định tại Điều 194 Bộ luật Dân sự, không buộc bị cáo P phải nộp lại số tiền này.

- Đối với số tiền gốc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn

Thị H, Phạm Thị Ng vay của P nhưng chưa trả đủ. Xét thấy, tiền gốc là P tiện phạm tội nên cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, trường hợp người vay chưa trả tiền gốc thì buộc người vay phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 151.000.000đ; bà Phạm Thị Ng phải nộp số tiền 50.000.000đ;

- Đối với số tiền 120.000.000đ mà bị cáo P đã nộp ngày 22/4/2021 theo Biên lai thu tiền số 0001560 tại Chi cục THADS thành phố Móng Cái để khắc phục hậu quả cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề nghị bị cáo phải hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính và được chấp nhận nên đối chiếu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cần buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền của Nguyễn Thị H, bị cáo phải chịu 8.091.800đ; số tiền của Tạ Thị Ch, bị cáo phải chịu 13.020.400đ, số tiền của Phạm Thị Ng, bị cáo phải chịu 735.600đ, số tiền của Vũ Thị H, bị cáo phải chịu 12.873.300đ. Tổng số án phí dân sự sơ thẩm Dương Thị P phải chịu là 34.721.100đ.

[11]. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12]. Liên quan trong vụ án, đối với anh Mai Xuân H được Dương Thị P nhờ đi thu tiền lãi rồi đưa lại cho Ph, đứng tên trong giấy vay tiền với chị Tạ Thị Ch, P là người trực tiếp giao dịch với khách hàng về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay vì vậy chưa đủ cơ sở xử lý hình sự đối với Mai Xuân H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” với vai trò đồng phạm.

Về hành vi Dương Thị P cho bà Bùi Thị H vay số tiền 800.000.000 đồng nhưng tài liệu điều tra và diễn biến tại phiên tòa chưa đủ căn cứ để xác định việc tính lãi suất cho vay đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên chưa đủ cơ sở để kết luận P có hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đối với khoản vay này. Đối với những vấn đề liên quan đến việc giải quyết giao dịch dân sự giữa bà Bùi Thị H và Dương Thị P các bên có quyền giải quyết bằng vụ án dân sự độc lập khác.

Quá trình điều tra P khai cho chị M vay không tính lãi suất, còn anh M và anh Kh khi thuê phòng khách sạn chưa có tiền trả nên để lại. Mặt khác, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ của Phạm Thị M, anh Phạm Văn M, Lê Văn Kh vắng mặt tại địa P nên chưa xác định được những người này liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Thị P. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Móng Cái tiếp tục điều tra xử lý sau, nên không chuyển theo hồ sơ vụ án 01 (một) sổ hộ khẩu số 00009646 mang tên chủ hộ Phạm Văn M; 01 (một) sổ hộ khẩu số 00009647 mang tên chủ hộ Lê Văn Kh; 01 (một) căn cước công dân số 034068006592 mang tên Lê Văn Kh; 01 (một) tờ giấy bên trong có chứa nội dung Dương Thị P cho Phạm Thị M vay số tiền 400.000.000 đồng nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Dương Thị P (tên gọi khác: Không)

Phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng: khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; các Điều 2, 5, 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt: bị cáo Dương Thị P 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao Dương Thị P cho Ủy ban nhân dân phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” đã áp dụng đối với bị cáo Dương Thị P theo Quyết định bảo lãnh của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

2. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Áp dụng: điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

* *Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:* 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno 2F màu xanh tím;

* *Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Dương Thị P:* Số tiền 155.342.000đ (một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

* *Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Chị Nguyễn Thị H số tiền 151.000.000 đồng;

- Bà Phạm Thị Ng số tiền 50.000.000 đồng;

* *Buộc Dương Thị P phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*, chị Nguyễn Thị H số tiền 161.836.000đ (một trăm sáu mươi một triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng); chị Tạ Thị Ch số tiền 260.408.000đ (hai trăm sáu mươi triệu, bốn trăm linh tám nghìn đồng); bà Phạm Thị Ng số tiền 14.712.000đ (mười bốn triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng); chị Vũ Thị H số tiền 257.466.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

* *Trả lại cho:*

- Ông Đồng Đức D và bà Trần Thị Th: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV928893 cấp cho ông Đồng Đức D và bà Trần Thị Th.

- Ông Đồng Đức D: 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 100786870 cấp cho Đồng Đức D;

- Ông Vũ Văn Kh: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U306968 cấp cho ông Vũ Văn Kh;

- Anh Bùi Văn Qu và chị Nguyễn Thị H: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS073454 cấp cho ông Bùi Văn Qu và bà Nguyễn Thị H;

- Ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị X: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE550389 cấp cho ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị X;

- Anh Triệu Sỹ B: 01 (một) sổ hộ khẩu số 0009613 cấp cho chủ hộ Triệu Sỹ B; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020912 cấp cho Triệu Sỹ B do Công an thành phố Móng Cái cấp ngày 24/7/2019;

- Anh Đặng Văn Th: 01 (một) sổ hộ khẩu số 05810 cấp cho chủ hộ Đặng Văn Th; 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 100741717 cấp cho Đặng Văn Th;

- Anh Mai Xuân H: 01 (một) sổ hộ khẩu số 500077257 cấp cho chủ hộ Mai Xuân H.

- Dương Thị P: 01 (một) căn cước công dân số 035176001848 cấp cho Dương Thị P và số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Phạm Thị Ng số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng);

* Số tiền 120.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0001560 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái và số tiền 16.000.000đ tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng số 84/2021/THA ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Quyết định rút vật chứng số 02/QĐ-VKSMC ngày 19/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái (kèm bảng thống kê vật chứng rút).

***) Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, số tiền là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Dương Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 34.721.100đ (*ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi một nghìn một trăm đồng*).

***) Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo Dương Thị P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bùi Thị H, Bùi Văn Qu, Đặng Văn Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- Công an thành phố Móng Cái;
- Bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án HS+DS;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Thị Thu Hà